

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn
tỉnh Tây Ninh đến năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23 năm 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3188 /TT-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa và Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thông qua Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015, với nội dung chủ yếu như sau:

I. Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015

1. Đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ công chức, viên chức; thực hiện chính sách cho hộ nghèo, người có công với cách mạng về nhà ở

a) Tập trung triển khai chương trình mục tiêu về phát triển nhà ở: Thực hiện giai đoạn 2 của Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 về hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, khi có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 407; xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa; khuyến khích, vận động trong nhân dân phát triển nhà ở riêng lẻ, cải tạo, sửa chữa nhà ở tạm, nhà thiêu kién cố, nhà tạm dột nát ở khu vực nông thôn, cụ thể:

SỞ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐỀN
Số: 1313
- Chuyển:
1. GĐ Ngôn ✓
2. PGĐ Huyện ✓
3. PGĐ Minh ✓
4. Văn phòng ✓
5. P. KTQHxD ✓
6. P. HTKT ✓
7. P. QLN-BDS ✓
8. P. QLHDxD ✓
9. P. KT-VLXD ✓
10. Thanh Tra XD ✓
11. TT. QHxD ✓
12. Chi bộ ✓
13. Công đoàn ✓
14. Lưu ✓
- Thực Hiện: ✓

Ngày 11/12/2014
Lãnh Đạo:

[Ký tên]

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở giai đoạn 2: Hỗ trợ khoảng 1.169 hộ nghèo, giá thành xây dựng trung bình khoảng 37 triệu đồng/căn nhà với tổng kinh phí hỗ trợ và xây dựng mới khoảng 43,25 tỷ đồng;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 407: Số căn xây dựng là 300 căn, tổng diện tích sàn xây dựng là 8.400 m^2 , giá thành xây dựng trung bình khoảng 70 triệu đồng/căn nhà, tổng kinh phí xây dựng 21 tỷ đồng;

- Xây dựng nhà đại đoàn kết: Số căn xây dựng khoảng 1.832 căn, tổng diện tích sàn xây dựng là 51.296 m^2 , giá thành xây dựng trung bình khoảng 37 triệu đồng/căn nhà, tổng kinh phí xây dựng 67,78 tỷ đồng.

b) Xây dựng nhà ở công vụ cho giáo viên tại các huyện Bến Cầu, Châu Thành, Tân Châu, Tân Biên: Tổng số căn nhà xây dựng mới 95 căn, diện tích sàn xây dựng 3.325 m^2 , tổng kinh phí xây dựng 15,63 tỷ đồng.

c) Tiếp tục triển khai xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số khoảng 1.235 căn; tổng mức đầu tư khoảng 60,94 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương, Quỹ đền ơn đáp nghĩa và vốn vận động.

2. Dự án nhà ở xã hội

Giải quyết nhu cầu về nhà ở của một số đối tượng đang khó khăn về chỗ ở như: Công nhân lao động tại các khu công nghiệp, người có thu nhập thấp tại các đô thị cần được đặc biệt quan tâm, nhu cầu giải quyết đến năm 2015, cụ thể như sau:

a) Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp

- Dự án nhà ở xã hội Khu dân cư Chi Lăng, Phường 3, thành phố Tây Ninh: Quy mô 1,0 ha, đáp ứng khoảng 320 căn phục vụ khoảng 1.200 nhân khẩu, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 30.198 m^2 ;

- Dự án nhà ở xã hội tại Trại cá giống thuộc Phường 2, thành phố Tây Ninh: Quy mô 5,0 ha, đáp ứng khoảng 500 căn, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 60.620 m^2 ;

- Dự án nhà ở xã hội trong Khu đô thị dịch vụ thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phước Đông – Bời Lời: Quy mô 9,25 ha, đáp ứng khoảng 788 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 62.080 m^2 ;

- Dự án nhà ở xã hội An Thành, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng: đáp ứng khoảng 124 căn, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 9.800 m^2 ;

- Dự án phát triển nhà ở xã hội trong Khu phố thương mại và nhà ở xã hội thị trấn Trảng Bàng sử dụng quỹ đất 20%: Đáp ứng khoảng 50 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 6.441 m^2 ;

- Dự án xây dựng Khu dân cư tái định cư Khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh: Đáp ứng khoảng 500 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 63.960 m²;

- Dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư An Phúc Hưng, xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu: Đáp ứng khoảng 103 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 12.360 m².

b) Dự án nhà ở công nhân

- Nhà ở cho công nhân Khu công nghiệp Chà Là đáp ứng chỗ ở giai đoạn 1 cho khoảng 2.000 công nhân, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 10.000 m², cung cấp khoảng 250 phòng;

- Nhà ở cho công nhân phục vụ Khu công nghiệp Phước Đông – Bời Lời quy mô sử dụng đất 19,268 ha, tổng diện tích sàn xây dựng 50.000 m², đáp ứng chỗ ở giai đoạn 1 cho 10.000 công nhân, cung cấp khoảng 1.250 phòng;

- Nhà ở cho công nhân phục vụ Khu công nghiệp Bourbon An Hòa quy mô sử dụng đất 4,7 ha, tổng diện tích sàn xây dựng 15.000 m², đáp ứng chỗ ở giai đoạn 1 cho 3.000 công nhân, cung cấp khoảng 375 phòng;

- Dự án Khu dân cư Vạn Phát Hưng thuộc xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu phục vụ cho công nhân nhà máy sản xuất giày Canports Việt Nam, Nhà máy gia công giày Pou Li, ...: đáp ứng khoảng 423 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 50.760 m².

II. Kế hoạch về nguồn vốn thực hiện

Tổng nguồn vốn: 2.337,77 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 41,53 tỷ đồng;

- Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh: 67,34 tỷ đồng;

- Nguồn vốn khác (vốn của nhà đầu tư, vốn Quỹ đèn ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo): 2.228,90 tỷ đồng.

(Chi tiết Danh mục các dự án và nguồn vốn tại Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

III. Giải pháp thực hiện

1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách

- Ban hành các chủ trương, chính sách đặc thù của địa phương trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội: Chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư; quy định và phân cấp cấp giấy phép xây dựng, thủ tục, quy trình thẩm định chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội, ...

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, quản lý đất đai, quản lý xây dựng và nhà ở nhằm tạo điều kiện cho các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển nhà ở xã hội.

- Ban hành các chính sách khuyến khích kêu gọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương; công khai minh bạch về các chính sách xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê và thuê mua phù hợp với quy định của pháp luật.

- Rà soát, thống kê số lượng người dân có nhu cầu về nhà ở xã hội; đôn đốc kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn.

2. Giải pháp về quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật

- Đẩy nhanh tiến độ lập các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các đô thị phù hợp định hướng phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn, quy hoạch phải đảm bảo nguyên tắc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, tận dụng hệ thống hạ tầng hiện có, gắn kết chặt chẽ giữa khu vực phát triển mới và các đô thị hiện hữu, phải bố trí quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội.

- Ban hành quy chế quản lý, thiết kế mẫu cho loại hình nhà ở xã hội do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bán và cho thuê.

- Hỗ trợ toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng xã hội trong phạm vi dự án tùy theo điều kiện địa phương.

3. Giải pháp đất ở

- Ban hành chính sách đặc thù của địa phương ưu đãi về đất đai giúp các nhà đầu tư thuận lợi trong thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; triển khai có hiệu quả cơ chế góp vốn bằng quyền sử dụng đất thực hiện các dự án phát triển nhà ở.

- Chỉ đạo UBND cấp huyện triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, tổ chức giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch để kêu gọi nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội năm 2014 và các năm tiếp theo; hàng năm rà soát dành quỹ đất công thực hiện dự án nhà ở xã hội.

- Hàng năm kiểm tra rà soát và thu hồi các dự án phát triển nhà ở thực hiện không đúng mục đích, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu, loại hình nhà ở, chuyển đổi sang phát triển nhà ở xã hội theo nhu cầu điều kiện địa phương.

4. Giải pháp về tài chính

- Ban hành giải pháp tạo nguồn vốn phát triển quỹ nhà ở xã hội; huy động nguồn vốn từ các đối tượng được thụ hưởng chính sách nhà ở xã hội; có cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê hoặc thuê mua.

- Thông tin kịp thời cơ chế ưu đãi về tài chính, thuế đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội do Chính phủ, Bộ ngành đề ra để khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Ban hành cơ chế cho các nhà đầu tư vay vốn theo lãi suất ưu đãi của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đúng quy định.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua./. ...

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Vụ.TU, Vụ.UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh.



PHỤ LỤC I
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ HỘ NGHÈO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 167/2008/QĐ-TTg, NHÀ Ở CHO NGƯỜI
 CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT, NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO THEO ĐỀ ÁN 407**
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Số	Loại hình nhà ở	Địa điểm XD	DT XD (m ²)	Số căn XD	Nguồn vốn thực hiện (tỷ đồng)					Ghi chú
					NS TW	NS tỉnh	Quỹ Đền ờn đáp nghĩa	Quỹ vì người nghèo	Tổng kinh phí	
1	Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	Các huyện, thành phố	34.580	1.235	31,34	3,48	26,12		60,94	- Xây mới: 70 triệu đồng/căn; - Sửa chữa: 35 triệu đồng/căn
2	Nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, giai đoạn 2	Các huyện, thành phố	28.056	1.169	10,19	11,43			21,63	- Trung bình: 37 triệu đồng/căn; - Thực hiện khoảng 40% số báo cáo Bộ Xây dựng
3	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 407	H Tân Châu, H Tân Biên	8.400	300			21,00		21,00	- Trung bình: 70 triệu đồng/căn.
3	Xây dựng nhà đại đoàn kết	Các huyện, thành phố	51.296	1.832					67,78	- Trung bình: 37 triệu đồng/căn
Tổng cộng			71.036	4.536	41,53	35,91	26,12	89,41	192,97	

BỘ NG

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHU CẦU XÂY DỰNG NHÀ Ở CÔNG VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH NĂM 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn (m ²)	Số căn XD	Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Nhà ở công vụ cho giáo viên huyện Bên Cầu	huyện Bên Cầu	UBND huyện, Sở GD&ĐT	0,10	525	525	15	2,447	
2	Nhà ở công vụ cho giáo viên, cán bộ huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	UBND huyện, Sở GD&ĐT	0,40	700	700	20	3,262	Xây dựng theo các điểm trường có nhu cầu
3	Nhà ở công vụ cho giáo viên, cán bộ huyện Tân Biên	huyện Tân Biên	UBND huyện, Sở GD&ĐT	0,50	875	875	25	4,078	
4	Nhà ở công vụ cho giáo viên, cán bộ huyện Tân Châu	huyện Tân Châu	UBND huyện, Sở GD&ĐT	0,70	1.225	1.225	35	5,709	
Tổng cộng				1,70	3.325	3.325	95	15,49	

*** Ghi chú:**

- Nguyên tắc thiết kế và tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ theo Quyết định số 09/2008/QĐ-TTg ngày 11/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ.
- Loại hình nhà công vụ: Nhà một tầng nhiều gian tại khu vực nông thôn.
- Tiêu chuẩn sử dụng là căn hộ loại 3, diện tích sàn xây dựng tối đa 35 m².
- Đơn giá xây dựng áp dụng theo Suất vốn đầu tư năm 2013 do Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 634/QĐ-BXD ngày 09/6/2014, đơn giá nhà 1 tầng căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ: 4.660.000 đồng/m² sàn.
- Căn hộ được thiết kế cho các đối tượng ở độc thân, ở tập thể, hộ gia đình tùy theo quy định, nhu cầu tại địa phương.

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH TÂY NINH ĐẾN NĂM 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Số tự tố định điểm xây dựng	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Số căn XD	Nguồn vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
								NS tỉnh (1% TMĐT)	Vốn DN, huy động khác	Tổng mức đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9+10	13
A	Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp			28,96	158.650	245.039	2.385	15,94	1.736,09	1.752,03	
I	Thành phố Tây Ninh			12,00	75.927	154.358	1.320	11,04	1.092,62	1.103,66	
1	Nhà ở xã hội Khu dân cư Chi Lăng	Phường 3, thành phố Tây Ninh		1,00	6.927	30.198	320	2,16	213,76	215,92	- Tạm tính NS tỉnh hỗ trợ 1% trên tổng chi phí XD;
2	Dự án xây dựng Khu dân cư TĐC KP5, phường 1, thành phố Tây Ninh	Phường 1, thành phố Tây Ninh		6,00	39.000	63.960	500	4,57	452,74	457,31	- Phục vụ nhà ở xã hội cho thành phố Tây Ninh và các huyện lân cận: Hòa
3	Dự án nhà ở xã hội tại Khu ao cá cũ thuộc Phường 2, thành phố Tây Ninh	Phường 1, thành phố Tây Ninh		5,00	30.000	60.200	500	4,30	426,13	430,43	



Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Nguồn vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)		Ghi chú	
							Số căn hộ (%) TMĐT)	Vốn DN, huy động khác		
I										
II	Huyện Trảng Bàng - Gò Dầu	Dự án Nhà ở xã hội thuộc Khu phố thương mại và nhà ở xã hội thị trấn Trảng Bàng	Thị trấn Trảng Bàng	13,66	63.683	78.321	962	4,90	555,10	560,00
1				2,42	3.221	6.441	50	0,46	45,59	46,05
2	Nhà ở xã hội trong Khu đô thị dịch vụ Phước Đông Bời Lời	Huyện Gò Dầu, Trảng Bàng	Công ty CP Cao su VRG	9,25	51.498	62.080	788	4,44	439,43	443,87

- Phục vụ nhu cầu nhà ở xã hội cho huyện Trảng Bàng, huyện Gò Dầu.

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Số căn XD	Nguồn vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
								NS tỉnh (1% TMBT)	Vốn DN, huy động khác	Tổng mức đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9+10	13
3	Dự án Nhà ở xã hội An Thành	Xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng	Công ty TNHH MTV Bất động sản Duy An	1,99	8.965	9.800	124		70,07	70,07	
III	Huyện Dương Minh Châu			3,30	19.040	12.360	103	-	88,37	88,37	
1	Dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư An Phúc Hung	Xã Truồng Mít, huyện DMC	Cty CP ĐT&XD Nam Phong	3,30	19.040	12.360	103		88,37	88,37	
B	Nhà ở công nhân			29,71	130.516	125.760	2.298	-	377,28	377,28	
1	Nhà ở công nhân KCN Chà Là	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu	Cty CP Đầu tư Quốc tế	1,66	6.628	10.000	250		30,00	30,00	Thực hiện giai đoạn 1 đắp ứng khoảng 2.000 công nhân



Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng XD (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Số căn XD	Nguồn vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
								NS tỉnh (1% TMBT)	Vốn DN, huy động khác	Tổng mức đầu tư	
1											
2	Khu nhà ở công nhân Khu công nghiệp Phuộc Đông - Bòi Lòi	Huyện Gò Dầu, Trảng Bàng	Công ty CP Cao su VRG	19,27	77.072	50.000	1.250	150,00	150,00	150,00	Thực hiện giai đoạn 1 đáp ứng khoảng 10.000 công nhân
3	Dự án Khu dân cư Vạn Phúc vụ Hung phục vụ cho công nhân	Xã Trương Mít, huyện DMC	Cty CP ĐT&XD Nam Phong	4,08	28.016	50.760	423	152,28	152,28	152,28	Phục vụ cho công nhân nhà máy sản xuất giày Carports Việt Nam, Nhà máy già công giày Pou Li
4	Khu nhà ở công nghiệp An Hòa	Huyện Trảng Bàng	Công ty CP Bourbon An Hòa	4,70	18.800	15.000	375	45,00	45,00	45,00	Thực hiện giai đoạn 1 đáp ứng khoảng 3.000 công nhân

Số	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	DT sử dụng đất (ha)	DT xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn XD (m ²)	Số căn XD	Nguồn vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
								Vốn DN, huy động khác	NS tỉnh (1% TMĐT)	Tổng mức đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9+10	13
	Tổng cộng			58,67	289.166	370.799	4.683	15,94	2.113,37	2.129,31	

* **Ghi chú:**

1. Đơn giá xây dựng căn cứ theo Suất vốn đầu tư năm 2013 do Bộ Xây dựng ban hành tại Quyết định số 634/QĐ-BXD ngày 09/6/2014:

- Đơn giá xây dựng nhà ở xã hội trung bình: 7.150.000 đồng/m² sàn.
- Đơn giá xây dựng nhà ở cho công nhân tạm tính: 3.000.000 đồng/m² sàn.
(Dựa trên suất vốn đầu tư nhà ở riêng lẻ từ 2-3 tầng, kết cấu khung chịu lực BTCT; tường bao xây gạch; sàn, mái BTCT đổ tại chỗ).

2. Tạm tính NS tỉnh hỗ trợ 1% trên tổng mức đầu tư xây dựng dự án, bao gồm hỗ trợ mệt trong số các công việc sau:

- Hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng;
- Hỗ trợ công tác lập dự án đầu tư: Phí lấy ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm tra, ...; Chi phí khảo sát, thiết kế, ...;
- Hỗ trợ một phần chi phí xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nội bộ: Đầu nối hệ thống thoát nước, cấp nước, ...;
- Hỗ trợ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Hỗ trợ một phần lãi vay ngân hàng.



PHỤ LỤC IV
BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VỐN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TỈNH TÂY NINH NĂM 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 31 /2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)
 Đvt: tỷ đồng

Số thứ tự <i>(1)</i>	Hạng mục <i>(2)</i>	Ngân sách TW <i>(3)</i>	Ngân sách Tỉnh <i>(4)</i>	Vốn khác <i>(5)</i>	Thành tiền <i>(6)=(3)+(4)+(5)</i>	Ghi chú <i>(7)</i>
I	Chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở	41,53	35,91	115,53	192,97	
1	Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	31,34	3,48	26,12	60,94	
2	Nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2	10,19	11,43	21,63	43,25	Phụ lục I
3	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án 407	-	21,00	-	21,00	
4	Xây dựng nhà đại đoàn kết	-	-	67,78	67,78	
II	Nhà ở công vụ cho giáo viên cán bộ	15,49			15,49	Phụ lục II
III	Dự án phát triển nhà ở xã hội	15,94	2.113,37	2.129,31		Phụ lục III
Tổng cộng = (I+II+III)		41,53	67,34	2.228,90	2.337,77	

* **Ghi chú:**

- Mục III, cột (4): Ngân sách Tỉnh hỗ trợ dự án phát triển nhà ở xã hội (1% trên tổng mức đầu tư dự án).
- Vốn khác gồm: Vốn của nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở xã hội, vốn Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, vốn Quỹ vì người nghèo.